TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án: số 999/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2019
V/v: Chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Lượng;

2- Bà Nguyễn Thị Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 2 năm 2019 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2019; quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích T; sinh năm: 1978

Địa chỉ: Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Vũ Thụy Diễm C – sinh năm: 1991 – Đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/11/2017)

(có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh C; sinh năm: 1978

Địa chỉ: phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2017 và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Mạnh C là vợ chồng hợp pháp. Đến năm 2014 ông bà ly hôn theo bản án số 23/2014/HNGĐ-ST ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án Phúc thẩm số 325/2015/HNGĐ-PT ngày 24/3/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh. Theo nội dung hai bản án này, ông C và bà T ly hôn, bà T được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: tại thời điểm ly hôn, bà T và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận với nhau.

Từ sau khi ly hôn bà T và ông C không thỏa thuận được việc chia tài sản chung của ông bà tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là 01 chiếc xe Toyota Corolla Altis 1.8 4A/T có số khung: RL4BC42E0C5006xxx, số máy: 2ZRX172xxx, biển số kiểm soát: 51A32xxx với mức giá khi mua 735.000.000 đồng từ công ty TNHH MTV T

Tại thời điểm mua xe bà T và ông C đã thanh toán tiền mặt là 221.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà T và ông C cùng đồng ý trả góp theo từng kỳ trong thời hạn 60 tháng từ ngày 18/6/2012 đến ngày 18/5/2017, với mức lãi suất là 1,66333%/tháng. Tổng cộng là 650.335.154 đồng, trong đó nợ gốc là 514.000.000 đồng và tiền lãi là 136.335.154 đồng. Đến ngày 18/11/2014 bà T bà ông C đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đối với toàn bộ khoản nợ trên.

Tổng số tiền đã thanh toán cho việc mua chiếc xe này là 871.335.154 đồng. Đây là khoản tiền chung của bà T và ông C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu được chia một phần hai trị giá chiếc xe theo định giá của Tòa án là 232.087.695 đồng và yêu cầu nhận một lần số tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Mạnh C không có lời khai. Căn cứ kết quả xác minh, của Công an phường Hiệp Bình Chánh quận Thủ Đức, xác định ông Nguyễn Mạnh C có cư trú tại địa chỉ phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức từ năm 2008, đến năm 2015 ông C bán nhà đi đâu không rõ.

Bà Vũ Thụy Diễm C – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Mạnh C vắng mặt tại phiên toà khi Toà án giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: bà Trần Thị Bích T khởi kiện ông Nguyễn Mạnh C yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. ông C có nơi cư trú cuối cùng tại số 1/9 đường 18, khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ vào giấy đăng ký vay mua xe Toyota do ông Nguyễn Mạnh C là người đề nghị cấp tín dụng và bà Trần Thị Bích T là người cùng đề nghị cấp tín dụng để mua xe Toyota Corolla Altis 1.8V với giá mua xe 735.000.000 đồng, số tiền đề nghị Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam cấp tín dụng là 514.000.000 đồng.

Ngày 18/5/2012 bà T và ông C ký hợp đồng tín dụng số 100003354 với Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam vay số tiền 514.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 1.66333%/tháng, mỗi kỳ trả gốc và lãi là 8.566.667 đồng, lãi suất tính trên dư nợ giảm dần. Tài sản thế chấp là chiếc xe Toyota Corolla Altis 1.8 4A/T mang biển số 51A32xxx.

Ngày 18/5/2012 ông C hoàn thành thủ tục khai đăng ký xe và đóng lệ phí trước bạ đầy đủ, Công ty Toyota Việt nam đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty CP TM DV An Thành số tiền 735.000.000 đồng và ông C đã nhận xe.

Đến ngày 16/3/2015 bà T và ông C đã hoàn tất việc thanh toán tín dụng cho Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam và công ty có xác nhận bà T và ông C đã hoàn tất việc thanh toán nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng nêu trên, phía công ty đã hoàn trả toàn bộ giấy tờ tài sản đảm bảo khoản vay (bản gốc giấy đăng ký xe ô tô biển số 51A32xxx) cho bên bà T, ông C. Và có văn bản gửi Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xóa ngăn chặn việc chuyển nhượng, mua bán, cho tặng, xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên.

Ngày 24/3/2015 hôn nhân giữa bà T và ông C chấm dứt theo bản án Phúc thẩm số 325/2015/HNGĐ-PT ngày 24/3/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ các tài liệu chứng cứ trên có cơ sở xác định chiếc xe ô tô Toyota Corolla Altis 1.8 4A/T mang biển số 51A32xxx là tài sản chung của bà T và ông C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Khi ly hôn bà T và ông C chưa chia tài sản chung này. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T và việc chia một phần hai trị giá chiếc xe ô tô Toyota Corolla Altis 1.8 4A/T mang biển số 51A32xxx cho bà T. Cụ thể căn cứ văn bản số 492/TCKH ngày 27/3/2019 của Phòng Tài chính kế hoạch quận Thủ Đức định giá đối với xe ô tô Toyota Corolla Altis 1.8 4A/T mang biển số 51A-32.xxx tỷ lệ còn lại của xe từ tháng 5/2012 đến tháng 3/2019 (thời điểm định giá) là 54.42%; giá trị còn lại của chiếc xe trên là 464.175.390 đồng. Bà Trần Thị Bích T được nhận một phần hai giá trị còn lại của chiếc xe là 232.087.695 đồng. ông C là người đang quản lý và sử dụng chiếc xe trên, do đó ông C phải thanh toán lại cho bà T một phần hai trị giá chiếc xe là 232.084.695 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Mạnh C mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia, án phí bà T và ông C mỗi người phải nộp 11.604.235 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Bích T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 33; Điều 34; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích T về việc chia tài sản chung tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Mạnh C, đối với chiếc xe ô tô Toyota Corolla Altis 1.8 4A/T có số khung: RL4BC4E0C5006843, số máy: 2ZRX172xxx, biển số kiểm soát: 51A-32.xxx.

Bà Trần Thị Bích T được chia một phần hai trị giá bằng tiền đối với chiếc xe trên, số tiền 232.084.695 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu không trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng). Ông Nguyễn Mạnh C có trách nhiệm phải trả số tiền 232.084.695 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu không trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng) cho bà Trần Thị Bích T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án, còn phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngay sau khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nêu trên cho bà Trần Thị Bích T, ông Nguyễn Mạnh C được toàn quyền sở hữu đối với xe ô tô Toyota Corolla Altis 1.8 4A/T có số khung: RL4BC42E0C5006xxx, số máy: 2ZRX172xxx, biển số kiểm soát: 51A-32.xxx.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm 11.604.235 đồng (mười một triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng) bà Trần Thị Bích T phải chịu. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 19645 ngày 01/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Bích T còn phải nộp số tiền 6.604.235 (sáu triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng.

Ông Nguyễn Mạnh C phải nộp án phí 11.604.235 đồng (mười một triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng).

3/ Quyền kháng cáo;

Các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đỗ Thị Thu Thảo

Nơi nhận:
- Đương sự của vụ án
- VKSND Q.TĐ
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH
- Lưu HS